TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **890**/2023/QĐST-HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 31 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ khoản 2 Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 1251/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

1. Chị **Bùi Thị Ánh D**, sinh năm 1988.
2. Anh **Tràng Lý N**, sinh năm: 1988.

Cùng địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường C, thành phố D, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Ánh D và anh Tràng Lý N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ nên thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị D và anh N có 01 con chung là cháu Tràng Thiên Â, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2020. Khi ly hôn, thống nhất thỏa thuận giao cháu Â cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Chị D và anh N xác định không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Chị D và anh N xác định không có nợ chung.

[5] Về lệ phí Tòa án: Chị D và anh N nộp theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 5 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Ánh D và anh Tràng Lỷ N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị D và anh N xác định có 01 con chung là cháu Tràng Thiên Â, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2020. Khi ly hôn, giao cháu Â cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị D và anh N xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Chị D và anh N xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Bùi Thị Ánh D và anh Tràng Lỷ N nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007695 ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa. Chị D và anh N đã nộp xong.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các điều 7, 7a, 7b Luật

sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Nơi ĐKKH (UBND X. S - Giấy CNKH số 83/2020);
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Vũ Bảo